

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/03/2023.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Blur và ông Trương Duy Cảnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát
viện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 17/03/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh
Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
422/2022/TLST-HNGĐ ngày 19-12-2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày
16/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tống Phước C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số M, đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. “*Có
mặt*”.

- Bị đơn: Chị Văn Thị Hồng H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số A, đường T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. “*Vắng
mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa
thì anh Tống Phước C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Văn Thị Hồng H chung sống với nhau
có tình cảm và tự nguyện kết hôn, việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T,
thị xã K, tỉnh Kon Tum vào ngày 23/5/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống
hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn
là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị H thường xuyên vay mượn tiền, dẫn
đến nợ nần; vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H đã bỏ nhà đi để lại hai
con cho anh nuôi từ năm 2012 đến nay. Vợ, chồng bỏ mặc nhau ai sống ra sao
thì sống, việc ai người ấy làm, anh tự làm nuôi con, chị H không gửi tiền nuôi
con. Anh C xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải

quyết cho anh được ly hôn với chị Văn Thị Hồng H để anh ổn định cuộc sống riêng và nuôi con.

Về con chung: Vợ, chồng anh có 02 con chung là Tổng Hồng A, sinh ngày 19/10/2001 và Tổng Phước T, sinh ngày 26/02/2007. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu T, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Tổng Hồng A đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Văn Thị Hồng H đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H không tham gia tố tụng; đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Văn Thị Hồng H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt chị H.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh C. Anh C được ly hôn với chị H. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Giao con chung là Tổng Phước T, sinh ngày 26/02/2007 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với người con đã đủ 18 tuổi và tự lập được không giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm anh C phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân: Anh Tổng Phước C và chị Văn Thị Hồng H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Anh C cho rằng vợ, chồng mâu thuẫn là do không tin tưởng nhau, chị H thường xuyên vay mượn tiền, dẫn đến nợ nần; Qua xác minh thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác (BL 30) nên vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn 10 năm, bỏ mặc nhau ai sống ra sao thì sống, việc ai người ấy làm, anh C tự làm nuôi con. Anh C xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Văn Thị Hồng H để anh ổn định cuộc sống riêng và nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ, chồng anh C và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Tổng Phước C là có căn cứ và đúng pháp luật. Anh Tổng Phước C được ly hôn với chị Văn Thị Hồng H.

- Về con chung: Vợ, chồng anh C, chị H sinh được 02 con chung là Tổng Hồng A, sinh ngày 19/10/2001 và Tổng Phước T, sinh ngày 26/02/2007. Con chung là Tổng Hồng A đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung là Tổng Phước T, sinh ngày 26/02/2007, xét thấy từ khi chị H bỏ nhà đi anh C trực tiếp nuôi con, không có sự chăm sóc, góp tiền nuôi con của chị H nhưng anh C vẫn nuôi con khỏe mạnh và cho học hành tốt; Nguyên vọng của cháu T được ở với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu này của anh C là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm): 300.000 đồng, anh Tổng Phước C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/11/2022 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của nguyên đơn anh Tổng Phước C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tổng Phước C được ly hôn chị Văn Thị Hồng H.

2. Về con chung: Giao con chung là Tổng Phước T, sinh ngày 26/02/2007 cho anh Tổng Phước C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị Văn Thị Hồng H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Văn Thị Hồng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Tổng Phước C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tổng Phước C đã nộp theo biên lai số 0001140 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh Tổng Phước C đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 03 năm 2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung